

VỀ NHỮNG DẤU MÃ HOÁ

TRÊN CÂY THƯỚC TÂM

TRONG NỀN KIẾN TRÚC CỔ VIỆT NAM

TRÌNH CAO TƯỜNG

...Như chúng ta đã biết, kiến trúc sư, nhà nghiên cứu kiến trúc cổ Ngô Huy Quỳnh đã rất đúng khi ông đánh giá cây thước tâm "Rui mực thần kỳ của thợ cả" "cái thước tâm hay rui mực (mètre à modules) đã là sợi chỉ đỏ nối liền tất cả các loại nhà cổ truyền vào một mối... mực thước ghi trên thước tâm rồi, người thợ cả đã có thể hướng dẫn việc làm kèo, cột nhà và đặt những mộng chính xác để dựng nên các căn nhà vững chãi".

Tuy được đánh giá cao như vậy, song từ trước đến nay hầu như chưa thấy có một học giả nào đi vào trình bày cách đọc thước. Có lẽ bởi, phương pháp mã hoá các kích thước của căn nhà trên cây thước tâm theo tôi không đơn giản.

Trên cây thước tâm, theo cách nhìn có thể chưa thật chín chu của tôi, thì có một số những kích thước cơ bản, tạm gọi là phần cứng mà người thợ cả phải tuân thủ. Ngoài ra, nó còn có một "phần mềm" (thả lỏng) cho người thợ cả mặc sức bộc lộ khả năng của mình. Phần "thả lỏng" này tạo ra một sự phong phú và biến ảo của thước tâm, đồng thời cũng tạo nên sự ràng buộc chặt chẽ không chỉ giữa chủ nhà và phường thợ - có nghĩa, khi công trình cần được tu bổ, chủ nhà buộc phải mời họ chứ không thể ai khác và nó cũng là lý do ràng buộc giữa thợ cả và thợ phụ trong cùng một phường.

Đối với nhà khoa học, phần "thả lỏng" đã tạo cho thước tâm sự "biến ảo" trên một "dải tần" khá rộng, nên cách tiếp cận kiểu "hình loại học" - sưu tầm kiểu chép từng chiếc thước đã không tìm được lối ra. Vì thế, khiến cho thước tâm đã giữ được sự bí mật của nó, không chỉ đối với những nhà nghiên cứu kiến trúc cổ mà còn cả các kiến trúc sư của kỷ nguyên cao ốc.

Tôi có thể được coi là may mắn hơn trong số những người quan tâm đến thước tâm là nhờ có các bác thợ cả ở Xứ Đoài và Xứ Bắc đã tận tình hướng dẫn cho tôi một số "khóa" của những "mật mã" đó. Được phép của các cụ tôi xin trình ra dưới đây:

1- *Những yêu cầu tối thiểu để có thể đọc được "mã"*

- Như tôi đã có lần phát biểu, một nguyên tắc cơ bản trong việc nghiên cứu kiến trúc cổ Việt Nam, theo tôi là phải biết các thuật ngữ của nó. Nó đơn giản như việc tìm ra một người bạn trong thành phố, nếu ta không biết địa chỉ tên phố, số nhà thì khó lòng có thể tìm thấy. Tương tự như vậy, nếu không hiểu các thuật ngữ một cách chính xác thì khả năng đọc "mã" trên thước tâm sẽ rất khó khăn.

- Cần phải nắm được nguyên tắc của kiến trúc cổ truyền Việt Nam thì mới có thể đọc được "mã". Bởi một lẽ rất đơn giản, thước tâm là bản khắc ghi các kết quả của một bài toán

dựng hình kiến trúc hay nói theo thuật ngữ kiến trúc hiện đại - các con số của thiết kế kiến trúc. Nếu chỉ bằng vào những kiến thức cơ bản rất đúng của Ngô Huy Quỳnh thì cũng không thể nào đọc được thước - tôi tin như vậy, hướng chỉ dựa vào sự hiểu biết còn chưa thật chính xác thì khả năng đọc được thước cũng rất hiếm.

Theo tôi, đó là hai điều kiện tối thiểu để một người nhập môn nghiên cứu mã cần phải có.

2- Nguyên tắc ghi mã của người thợ

Thông thường, người thợ cả ghi lại các kích thước của ngôi nhà trên hai mặt của cây thước: mặt bụng ghi các số đo về chiều cao, mặt lưng ghi các số đo chiều rộng của lòng nhà. Đó là nguyên tắc phổ biến. Thế nhưng, cũng chẳng có luật lệ nào bắt buộc bác thợ cả - vì nhiều lý do riêng, đã ghi lại cả hai loại số đo trên cùng một mặt - mặt bụng của thước. Trong trường hợp này, dấu mã trên thước vô cùng phức tạp. Thường thì chỉ có những thợ cả cùng phường mới có thể hiểu được các dấu mã đó một cách chi tiết. Thợ phường khác chỉ có thể đọc được những thông số cơ bản.

Bây giờ tôi xin giới thiệu những kích thước chủ yếu của căn nhà gỗ cổ truyền được ghi lại trên một cây thước tầm.

- Những thông số chủ yếu - "phần cứng".

Như trên đã nói, một cây thước tầm thông thường được khắc ghi trên cả hai mặt thước. Mặt bụng thước được ghi 7 thông số về độ cao của căn nhà - hay nói một cách chính xác hơn là chiều cao của các thành phần kiến trúc của vì. Tính từ gốc thước trở lên, chúng ta sẽ gặp các dấu sau:

a) Dấu mã trên mặt bụng (hình 1).

1. Giọt nước (mày tàu): Là khoảng cách từ bụng dạ tàu xuống mặt nền.

2. Dạ hoành cột hiên: Là khoảng cách từ điểm dưới của hoành ở cột hiên xuống mặt nền.

3. Dạ nách: Là khoảng cách từ bụng xà nách - xà nối cột hiên với cột quân, xuống mặt nền.

4. Dạ hoành cột quân: Là khoảng cách từ điểm bụng của hoành ở đầu cột quân xuống mặt nền.

5. Dạ câu: Là khoảng cách từ mặt bụng của câu đầu xuống mặt nền.

6. Dạ hoành cột cái: Là khoảng cách từ bụng của hoành ở đầu cột cái xuống mặt nền.

7. Dạ nóc: Là khoảng cách từ bụng thượng lương xuống mặt nền.

Ngoài các "mã" cơ bản chúng tôi vừa kể, trên thước ta thấy có thêm một số "mã" khác. Những "mã" này không phải là kích thước mà là để phân biệt các phần trong vì: hình mũi tên ngược, cánh mũi tên có hai đường song song là "mã" phân cột hiên; "mã" hình mỏ neo hay cánh cung là chỉ các chi tiết của phần hiên; "mã" có hai chữ Hán: chữ "Thượng" là chỉ xà thượng. Chữ "Đại" là chỉ cột cái.

b) Dấu mã trên mặt lưng thước (hình 2).

Các dấu trên mặt lưng thước được ghi các thông số về độ rộng của căn nhà hay như trên chúng tôi đã nói - chiều rộng của vì.

1. Trung câu (giữa câu): là ký hiệu điểm giữa của lòng nhà.

2. Khoán câu: là khoảng cách tim 2 cột cái.

3. Khoán nách: là khoảng cách từ tim cột cái tới tim cột quân.

4. Khoán hiên: là khoảng cách từ tim cột quân tới tim cột hiên.

Đó là 11 thông số phổ biến, đủ cho ta hiểu các kích thước cơ bản của một ngôi nhà gỗ cổ truyền với kết cấu kiểu vì "kẻ chuyển - 6 hàng chân".

Thiếu những yếu tố cơ bản trên, thì không đủ điều kiện để cho người thợ có thể dựng một căn nhà. Mỗi một thông số trên được ghi bằng một dấu mã riêng để người ta có thể dễ dàng phân biệt và dễ đọc. Trên hình vẽ minh họa, chúng tôi xin giới thiệu các dấu mã tương đối phổ biến - nghĩa là các phường thợ có thể dễ dàng hiểu được.

Đối với một cây thước tầm có ghi đầy đủ những kích thước trên thì được coi là "thước đủ". Nếu thiếu một vài thông số thì người ta gọi là "thước tắt".

3- Những mã thường được sử dụng và các phường thợ hoàn toàn hiểu được nhau

11 kích thước nêu trên, sẽ được ghi bằng các dấu mã trên thước tầm, theo một quy luật khá thống nhất. Các mã này không có sự khác biệt quá nhiều giữa hai phường thợ Xứ Bắc và Xứ Đoài. Nếu không có gì đặc biệt - nó được ghi chép một cách chân phương thì người thợ vẫn có thể hiểu được vì người ta sẽ nhận biết số đo của các thành phần theo một trật tự đã được sắp xếp theo quy ước. Trong trường hợp này, mã không phải là vai trò quyết định.

Hình vẽ 3 dưới đây cho ta biết 11 mã cơ bản trên cả hai mặt thước, ứng với kích thước trên công trình.

4- Sự khác nhau giữa các phường

Như chúng tôi đã nói, những thước tầm dù được khắc ghi bằng những mã cơ bản nhất cũng không phải hoàn toàn giống nhau - chúng vẫn có sự khác nhau đôi chút. Song, như đã nói trên, nhờ có quy ước về trật tự sắp xếp của các thông số nên người ta vẫn có thể đọc được một cách không mấy khó khăn.

Hình minh hoạ dưới đây (hình 4, 5, 6, 7) thể hiện kích thước của cùng một căn nhà nhưng mã trên thước tầm do một thợ Xứ Đoài ghi và một chiếc do thợ Xứ Bắc (Bắc Ninh) ghi.

5- Đôi điều nói thêm về "phần mềm"

Như trên chúng tôi đã nói, ngoài "phần cứng" giữa các phường không khác biệt nhau nhiều, nhưng "phần mềm" thì thiên biến vạn hoá. Tuy nhiên, "phần mềm" cũng có những quy luật cơ bản. Xin được trình ra dưới đây:

- Thêm bớt chi tiết trong một quy ước. Ví dụ, dấu mã lỗ mộng - ngoài phần mã giữa các phường có sự thống nhất, nó còn được ghi thêm 2 hoặc 3 chi tiết nữa.

- Hình vẽ 8 cho ta một "mã" chi tiết về lỗ mộng gồm các yếu tố: Độ cao của phần cột từ đầu mộng lên đầu cột (mào cột); kích thước mộng: dài, rộng; loại mộng (hình vẽ cho biết đây là kiểu mộng thắt).

- Giản đơn hay bay bướm theo cảm quan và tay nghề. Ví dụ "mã" mào cột - là mã "phần mềm" về cơ bản giữa các phường không khác nhau, nhưng khi thể hiện nhiều thước vẽ khá bay bướm, nhiều thước rất giản đơn, dễ mang đến cho chúng ta sự nhầm lẫn có sự khác nhau.

- Tăng giảm số lượng các đơn vị được mã hoá. Trên thước tầm ta có thể thấy có từ 11 thông số cho tới 17 hoặc nhiều hơn nữa, tùy theo sự cẩn thận của bác thợ cả.

Với 3 quy luật trên đã tạo ra vô vàn thước tầm - gần như là không có cái nào giống cái nào như thành ngữ đã đúc kết. "Nhà nào thước nấy". Như vậy, khả năng khám phá theo cách tiếp cận hình loại học thì, theo tôi, một nhà khoa học giành cả cuộc đời mình cho cây thước tầm cũng không thể nào chép hết được. Ngược lại, nếu ta nắm vững được những nguyên tắc cơ bản của "mã" thì vẫn có thể đọc được thước,

cho dù nó phức tạp đến mức nào đi chăng nữa.

6- Những ngoại lệ

Dấu mã trên cây thước tầm của phường thợ Chàng Sơn - Thạch Thất - Hà Tây đã trùng tu lại chùa Hà tại Hà Nội được xem là một ngoại lệ. Loại thước này cũng chỉ có các thợ "cao thủ" mới dùng, không phải tất cả các thợ ở Chàng Sơn đều có thể hiểu được. Do vậy, thợ xứ khác nếu không am tường chắc chắn sẽ phải bó tay, như các bác thợ Chàng Sơn đã vui vẻ nói với chúng tôi.

Sự biệt lệ của cây thước này thể hiện trên mấy điểm sau:

- Nó chỉ ghi trên một mặt thước chứ không phải hai mặt như thông lệ.

- Người dựng thước đặc biệt quan tâm tới các chỉ số của góc đao, nên ghi tới 4 mã: chân kẻ - chân xó góc - xó góc - tổng xó. Trong khi các chỉ số này rất ít được ghi trên các thước tầm khác. Bốn mã này thông báo cho chúng ta vị trí chân bẩy trên thân cột góc - kích thước cột trốn góc và độ dài của chiếc kẻ góc hỗ trợ góc đao. Chúng tôi đã có trong tay gần trăm tư liệu về cây thước tầm của các căn nhà cổ truyền, nhưng chưa thấy có cái nào ghi 4 mã này.

- Thêm một mã nữa ta cũng ít gặp trên thước là ký hiệu gian. Ký hiệu này gọi là khoán gian, khoán gian là mã thông dụng, mặc dù nó rất ít được dùng.

Thay cho lời kết

Do khuôn khổ có hạn của một bài viết, chúng tôi chỉ xin mang đến bạn đọc những thông tin cơ bản trong việc "nhập môn" nghiên cứu thước tầm. Còn rất nhiều chi tiết khác mà người thợ muốn gửi gắm nó trên cây thước như: độ rộng ván hạ diệp - thượng diệp; những chỉ dẫn về ván dong; dấu mã tìm đậu (giành cho các vì kẻ chuyển), mã của hệ thống liên kết trong vì (kẻ chuyển hay chống rường)...

Như vậy, thước tầm một thành tựu độc đáo của cha ông ta trong lĩnh vực kiến trúc nói chung và phương pháp tính toán nói riêng, không còn là điều bí mật đối với chúng ta nữa. Đây là một di sản văn hoá rất cần được quan tâm nghiên cứu một cách sâu sắc hơn và nó vẫn còn nhiều điều bổ ích đóng góp cho nền kiến trúc hiện đại Việt Nam, đặc biệt một nền kiến trúc đang muốn kế thừa những truyền thống của quá khứ.

